Số: 2174/UBND-VHXH; 22/11/2026; 20:39:44

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ HƯƠNG KHÊ

CỘNG HÒA XÃ H
Độc lập -

MẪU 02 - TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ TỔ CHỨC

Đối với Ủy ban nhân dân cấp xã

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
A	**NHÓM TIÊU CHÍ CHUNG (30 ĐIỂM)**	**30.**	**29.**
1	**Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên; khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương; năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.**	**10.**	**10.**
1.1	Chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước	2.5	2.5
1.2	Thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của cấp trên;	2.5	2.5
1.3	Khả năng xây dựng và tổ chức thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển của đơn vị gắn với mục tiêu quốc gia, ngành, địa phương	2.5	2.5
1.4	Năng lực nhận diện, dự báo xu hướng phát triển, chủ động thích ứng với thay đổi môi trường.	2.5	2.5
2	**Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm; xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực; hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ; mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức.**	**10.**	**10.**
2.1	Hiệu quả trong việc quản lý, sử dụng công chức theo vị trí việc làm	2.5	2.5
2.2	Xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp, hiện đại, minh bạch, tạo điều kiện cho công chức phát huy năng lực	2.5	2.5
2.3	Hiệu quả phối hợp công tác và xây dựng đoàn kết nội bộ	2.5	2.5
2.4	Mức độ chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính và tinh thần phục vụ của công chức	2.5	2.5

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
3	**Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công; mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực; việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có).**	**10.**	**9.**
3.1	Kết quả thực hiện các giải pháp cải cách hành chính trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công	2.5	2.
3.2	Kết quả thực hiện các giải pháp ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong hoạt động nội bộ và cung cấp dịch vụ công	2.5	2.
3.3	Mức độ thường xuyên rà soát, cải tiến các quy chế làm việc, quy trình nội bộ, đảm bảo hoạt động hiệu năng, hiệu lực	2.5	2.5
3.4	Việc xây dựng và tổ chức thực hiện các biện pháp khắc phục những tồn tại, hạn chế về tổ chức, quản lý, quy trình nội bộ đã được chỉ ra qua đánh giá, kiểm tra, thanh tra, kiểm toán (nếu có)	2.5	2.5
TT	**NHÓM TIÊU CHÍ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ (70 ĐIỂM)**	**MỨC CHỈ TIÊU TỈNH GIAO (tại Văn bản số 10454/UBND-NC2 ngày 12/10/2026)**	**MỨC CHỈ TIÊU ĐẠT ĐƯỢC (TỰ ĐỊNH GIÁ)**
I	**Trục (1) – THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ ĐƯỢC GIAO**		
1	**05 chỉ tiêu KTXH cơ bản**		
1.1	Tốc độ tăng trưởng Tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn cấp xã (%)	9.6	10.16
1.2	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người/năm)	67	67.25
1.3	Thu ngân sách (triệu đồng/năm)	44,750	93,803
1.4	Giải ngân vốn đầu tư công (%)	100%	226%
1.5	Giảm tỷ lệ hộ nghèo (%)	0.3	0.54
2	**Nhiệm vụ chính trị được giao thuộc lĩnh vực Tài chính**		
2.1	Sắp xếp lại, xử lý nhà, đất dôi dư	100%	100%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
2.2	Tỷ lệ giải ngân vốn sự nghiệp thực hiện các Chương trình MTQG	100%	100%
2.3	Tỷ lệ giải ngân nguồn vốn thực hiện các đề án, chính sách của tỉnh	100%	100.00%
2.4	Kết quả thu hút đầu tư trên địa bàn	5 dự án hoặc Tổng mức đầu tư các dự án từ ≥ 200 tỷ (bao gồm tổng mức tăng do điều chỉnh; ít nhất có 3 dự án)	Thu hút được 03 dự án đầu tư trên địa bàn, trong đó có dự án lên đến 270 tỷ (Dự án bệnh viện Đa khoa Tân Thành); kêu gọi công ty Havina Hồng Lĩnh (100% vốn đầu tư Hàn Quốc về mở chi nhánh sản xuất ở Hương Khê, dự kiến tháng 11 đi vào hoạt động, quy mô nhà máy 1000 công nhân; phối hợp Công ty đầu tư tài chính H&A Hà Nội tiếp tục triển khai đầu tư xây dựng khu dân cư Phú Phong với tổng mức đầu tư 154 tỷ đồng (ngày 17/7/2026, UBND tỉnh đã ban hành quyết định số 2288/QĐ-UBND về việc giao đất, cho thuê đất để thực hiện dự án Khu dân cư tại xã Phú Phong; hiện nay Công ty đầu tư tài chính H&A Hà Nội đang chuẩn bị các công việc để khởi công xây dựng các hạng mục công trình.
2.5	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực (dự án vướng mắc, tồn đọng; ...)	100%	100%
3	**Nhiệm vụ chính trị được giao thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường**		
3.1	Hoàn thiện việc tổ chức CSDL đất đai theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; Xây dựng Mã định danh duy nhất cho 100% thửa đất (kể cả thửa đất mới đo đạc).	100%	80%
3.2	- Tỷ lệ cấp giấy chứng nhận QSD đất	100%	80%
3.3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom, xử lý đúng quy định (%)	98%	98%
3.4	Tỷ lệ điểm tồn đọng có số xử lý ô nhiễm môi trường được rà soát, kịp thời báo cáo ngay có quá tải, tồn lưu kéo dài; xác định rõ nguyên nhân, thực hiện kịp thời các biện pháp khắc phục, hoàn thành theo lộ trình đề ra (%)	100%	100%
3.5	Tỷ lệ các cơ sở sản xuất, kinh doanh đạt quy chuẩn về môi trường (%)	90%	95%
3.6	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
4	**Nhiệm vụ chính trị được giao thuộc lĩnh vực Xây dựng**		
4.1	Thực hiện công tác giải phóng mặt bằng	1); (3) Đường giao thông bảo vệ an ninh biên giới, kết hợp bảo vệ và phát triển thác Vũ Môn (Huyện lộ 6); (4) Đường vào CCN Gia Phố: Hoàn thành 100%	100%
4.2	Thực hiện công tác quy hoạch chung đô thị, quy hoạch chung xã	100%	100%
4.3	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
5	**Nhiệm vụ chính trị được giao thuộc lĩnh vực Công thương**		
5.1	Ban hành văn bản và hướng dẫn Tổ chức quản lý chợ thực hiện các quy định tại Quyết định 71/2025/QĐ-UBND ngày 30/10/2025 của UBND tỉnh về phát triển và quản lý chợ	100%	100%
5.2	Rà soát, báo cáo về Sở Công Thương hiện trạng các tiêu chí 2.4, 2.5, 2.10 và 7.3 trong Bộ tiêu chí nông thôn mới theo hướng dẫn của Sở Công Thương tại Văn bản số 2905/SCT-QLTM ngày 2/10/2026	100%	100%
5.3	Công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng (GPMB) phục vụ các dự án nguồn điện và lưới điện trên địa bàn xã/phường	100%	100%
5.4	Quản lý, tuyên truyền và tiếp nhận kê khai phát triển Điện mặt trời mái nhà (ĐMTMN) tự sản tự tiêu	100%	100%
5.5	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
II	**Trục (2) – HOÀN THIỆN THỂ CHẾ, ĐẨY MẠNH CCHC VÀ PHÂN CẤP, PHÂN QUYỀN GẮN VỚI KIỂM TRA, GIÁM SÁT**		
1	**Hoàn thiện thể chế**		
1.1	Báo cáo chính thức tổng rà soát hệ thống văn bản QPPL	Hoàn thành báo cáo chính thức tông rà soát trước ngày 20/10/2026	100.00%
1.2	Báo cáo kết quả thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW năm 2026	Báo cáo kết quả về Sở Tư pháp trước ngày 30/11/2026	100.00%
1.3	Xử lý văn bản QPPL của xã, phường sau tổng rà soát đảm bảo tiến độ, đúng quy định (nếu có văn bản cần xử lý)	100% văn bản QPPL của xã, phường được xử lý theo quy định	100.00%
1.4	Xây dựng văn bản QPPL của xã, phường đảm bảo thâm quyên, trình tự, thủ tục xây dựng văn bản QPPL (nếu có)	100% văn bản QPPL của xã, phường được xây dựng đảm bảo đúng quy định	100.00%
1.5	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100.00%
2	**Về chỉ đạo điều hành CCHC, Cải cách hành chính tổ chức bộ máy, cải cách chế độ công vụ, lưu trữ điện tử, thi đua khen thưởng**		
2.1	Báo cáo, rà soát nhu cầu tuyển dụng công chức	100%	100%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
2.2	UBND cấp xã bố trí công chức đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch đô thị và nông thôn; chuyển đổi số công nghệ thông tin; nhiệm vụ giáo dục và đào tạo	100%	100%
2.3	Tỷ lệ tạo lập hồ sơ điện tử trên Hệ thống Quản lý Văn bản và Hồ sơ công việc	100%	100%
2.4	Tỷ lệ thực hiện chỉnh lý tài liệu lưu trữ giấy tồn đọng (hình thành trước ngày 01/7/2025)	100%	0
2.5	Tỷ lệ thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ giấy tồn đọng (hình thành trước ngày 01/7/2025)	30% khối lượng tài liệu đã chỉnh lý có tần suất khai thác lớn	0
2.6	Tổng kết phong trào thi đua và trình khen thưởng thành tích thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2026	100%	100%
2.7	Thực hiện trình đề nghị xét tặng, truy tặng "Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang" cho các trường hợp có đủ hồ sơ theo quy định	100%	100%
2.8	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
3	**Cải cách Thủ tục hành chính**		
3.1	Tỷ lệ giải quyết hồ sơ TTHC đúng hạn, trước hạn	Đạt 98% trở lên	98.69%
3.2	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia trên tổng số giao dịch thanh toán của dịch vụ công	Đạt 70% trở lên	100.00%
3.3	Tỷ lệ hồ sơ trực tuyến trên tổng số hồ sơ tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính	Đạt 90% trở lên	92.30%
3.4	Tỷ lệ số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính	Đạt 95% trở lên	100.00%
3.5	Tỷ lệ cấp kết quả giải quyết thủ tục hành chính điện tử	Đạt 98% trở lên	100.00%
3.6	Tỷ lệ xử lý phản ánh, kiến nghị đúng hạn	Đạt 100%	100.00%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
3.7	Mức độ hài lòng trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính của người dân, doanh nghiệp.	Đạt 90% trở lên	98.69%
3.8	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100.00%
4	**Đề án 06**		
4.1	Đẩy mạnh tuyên truyên, hướng dẫn Nhân dân cài đặt kích hoạt tài khoản định danh điện tử mức đô 2	95%	98.54%
4.2	Hỗ trợ, hướng dẫn Nhân dân tích hợp đủ 05 loại giấy tờ cơ bản là điều kiện tiên quyết để công dân được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định, gồm: + Giấy khai sinh; + Thông tin thẻ ngân hàng/tài khoản thanh toán/ví điện tử/tài khoản tiền di động; + Thông tin tài khoản an sinh xã hội; + Thông tin số thuê bao di động; + Sổ sức khỏe điện tử.	50%	50%
4.3	Cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh khai thác các thông tin cá nhân trên tài khoản định danh điện tử mức độ 2 của công dân trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính.	100%	100%
5	**Về kiểm tra, giám sát**		
5.1	Tỷ lệ các phòng, ban, đơn vị trực thuộc được kiểm tra công tác CCHC	Tối thiểu 35% các phòng, ban, đơn vị trực thuộc	44%
5.2	Tỷ lệ các vấn đề, tồn tại hạn chế CCHC được khắc phục sau kiểm tra, tự kiểm tra CCHC (do đơn vị phát hiện sau khi tự kiểm tra/hoặc do Đoàn kiểm tra CCHC cấp trên chỉ ra)	100%	100%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
III	**Trục (3) – THÚC ĐẨY PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ**		
1	**Nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ chính trị về đổi mới phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia**		
1.1	Xây dựng Kế hoạch chuyển đổi số năm 2027 của xã, phường	100%	100%
1.2	Tổ chức Hội nghị tập huấn kiến thức số, kỹ năng số cho cán bộ, công chức, người lao động; Tổ công nghệ số cộng đồng; người dân; doanh nghiệp	100%	100%
1.3	Có xây dựng KH và triển khai các hoạt động hưởng ứng Ngày chuyển đổi số Quốc gia tại địa phương đảm bảo theo Kế hoạch số 671/KH-UBND ngày 25/9/2026	100%	100%
1.4	Có nhiệm vụ đổi mới sáng tạo được phê duyệt hỗ trợ, triển khai trong năm góp phần phát triển kinh tế - xã hội địa phương	100%	100%
1.5	Có đề xuất đặt hàng nhiệm vụ nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh xuất phát từ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.	100%	100%
1.6	Có nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cấp tỉnh thực hiện từ 2026 đã được phê duyệt và triển khai thực hiện tại địa phương.	100%	100%
2	**Thực hiện hệ thống thông tin phản ánh hiện trường (theo Quyết định 617/QĐ-UBND ngày 16/3/2026 của UBND tỉnh)**		
2.1	Triển khai tuyên truyền, hướng dẫn, hỗ trợ người dân cài đặt, sử dụng ứng dụng công dân số i-HaTinh tích hợp nền tảng phản ánh hiện |trường.	100%	100%
2.2	Đạt các chỉ tiêu về tỷ lệ cài đặt, sử dụng ứng dụng công dân số i-HaTinh theo lộ trình, kế hoạch chung của tỉnh	Tối thiểu 40% dân số trường thành cài đặt, sử dụng	40.47%
2.3	Tiếp nhận và xử lý đúng hạn các phản ánh trên ứng dụng Công dân số i-HaTinh	100%	100%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
3	**Các nhiệm vụ khác (nếu có)**		
3.1	Rà soát mức độ cập nhật thông tin trên Cổng thông tin điện tử của phường, xã	100%	100%
3.2	Tổ chức triển khai việc tiếp nhận, lập danh sách đối tượng đăng ký nhận hỗ trợ dịch vụ viễn thông phổ cập trên địa bàn xã	100%	100%
IV	**Trục (4) - XÂY DỰNG ĐẢNG VÀ HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ TRONG SẠCH VỮNG MẠNH; GIỮ GÌN ĐOÀN KẾT, THỐNG NHẤT NỘI BỘ; PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG, LÃNG PHÍ, TIÊU CỰC**		
1	Tập trung giải quyết KNTC thuộc thẩm quyền; báo cáo kết quả công tác tiếp công dân, giải quyết KNTC Quý IV và năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ năm 2027.	100%	100%
2	Tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực thuộc trách nhiệm, phạm vi quản lý; báo cáo kết quả công tác PCTNLPTC Quý IV và năm 2026; phương hướng, nhiệm vụ năm 2027	100%	100%
3	Tổ chức thực hiện các kết luận thanh tra.	100%	100%
4	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
V	**Trục (5) - PHÁT TRIỂN VĂN HÓA, CON NGƯỜI, BẢO ĐẢM AN SINH XÃ HỘI, NÂNG CAO ĐỜI SỐNG NHÂN DÂN**		
1	**Nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 của Bộ chính trị về phát triển Văn hóa Việt Nam**		
1.1	Xét công nhận danh hiệu "Gia đình văn hóa"	95%	96.30%
1.2	Xét công nhận danh hiệu "Thôn, tổ dân phố văn hóa"	96,5%	100%
1.3	Phối hợp kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể, di sản tư liệu; kiểm kê, rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di tích trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh	100%	100%
1.4	Tổ chức hoạt động hưởng ứng Ngày Văn hóa Việt Nam gắn với Ngày hội Đại đoàn kết toàn dân tộc năm 2026	100%	100%
1.5	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
2	**Nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ chính trị về đột phát phát triển giáo dục và đào tạo**		

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
2.1	Rà soát, duy trì và nâng cao các điều kiện xây dựng trường mầm non, phổ thông đạt chuẩn quốc gia.	- Mục tiêu: Duy trì tỷ lệ trường mầm non đạt chuẩn quốc gia là 63.38%; trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia là 64,4% (TH 66,07%; THCS 62,16%; THPT 66,67%). - 100% xã/phường có cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông công lập rà soát các tiêu chí trường chuẩn quốc gia; - 100% tiêu chí chưa đạt hoặc có nguy cơ giảm mức được xác định nguyên nhân và có phương án khắc phục/đề xuất xử lý theo thẩm quyền.	100%
2.2	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
3	**Nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ chính trị về một số giải pháp đột phá tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân**		
3.1	Tỷ lệ người dân được khám sức khỏe định kỳ hoặc khám sàng lọc miễn phí (%)	>95%	99.70%
3.2	Tỷ lệ tiêm chủng các vắc-xin trong Chương trình tiêm chủng thiết yếu đạt trên 95%.	>95%	96%
3.3	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội đúng hạn	100%	100%
3.4	Tỷ lệ đối tượng đang hưởng chính sách trợ giúp xã hội, trợ cấp hưu trí xã hội được rà soát, đối chiếu, cập nhật thông tin trên hệ thống quản lý	>95%	100%
3.5	Số vụ ngộ độc thực phẩm từ 30 người mắc trở lên	0	0
3.6	Số người chết do ngộ độc thực phẩm	0	0
3.7	Cập nhật làm sạch cơ sở dữ liệu ATTP ngành y tế quản lý	>90%	100%
3.8	Điều chỉnh mức sinh (tỷ suất sinh thô)	Tăng 0,1‰	Tăng 0,15‰
3.9	Tỷ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát (sàng lọc trước sinh) đủ 4 bệnh (Down, Edward, Patau, Thalassemia)	55%	55%
3.10	Tỷ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát (sàng lọc sơ sinh) đủ 5 bệnh (suy giáp trạng bẩm sinh, thiếu men G6PD, tăng sản thượng thận bẩm sinh, khiếm thính bẩm sinh, tim bẩm sinh)	55%	55%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
3.11	Tỷ lệ nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khoẻ trước khi kết hôn	90%	91%
3.12	Tỷ lệ người cao tuổi được khám sức khoẻ định kỳ ít nhất 01 lần/năm	99%	100%
3.13	Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt được chăm sóc, nuôi dưỡng, trợ giúp	98%	100%
3.14	Trẻ em bị xâm hại được phát hiện, hỗ trợ, can thiệp kịp thời	100%	100%
3.15	Triển khai làm sạch, làm giàu, chuẩn hóa dữ liệu của 12 cơ sở dữ liệu chuyên ngành y tế trên địa bàn	100% hồ sơ thuộc danh sách phải xử lý được rà soát, phân loại; 100% trường hợp cần xác minh được rà soát, đối khớp	danh sách phải xử lý được rà soát, phân loại; '- 100% trường hợp cần xác minh được rà soát,
3.16	Tỷ lệ người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử liên thông, dùng thống nhất trong khám chữa bệnh	Mục tiêu 50%	61%
3.17	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
4	**Bảo đảm an sinh xã hội**		
4.1	Tỷ lệ người hưởng trợ cấp bảo trợ xã hội nhận qua tài khoản an sinh xã hội	Mục tiêu 50%	50.0%
4.2	Tỷ lệ người hưởng trợ cấp thất nghiệp, lương hưu nhận qua tài khoản an sinh xã hội	Mục tiêu 50%	50%
4.3	Tỷ lệ người hưởng chính sách người có công nhận qua tài khoản an sinh xã hội	96%	98%
4.4	Tổng hợp báo cáo số lượng, danh sách người có công và thân nhân được tặng quà Tết Nguyên đán năm 2027	Hoàn thành 100%	100%
VI	**Trục (6) – CỦNG CỐ QUỐC PHÒNG, AN NINH, GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, NÂNG CAO HIỆU QUẢ ĐỐI NGOẠI VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ**		
1	**Nhiệm vụ thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 24/01/2025 của Bộ chính trị về hội nhập quốc tế trong tình hình mới**		
1.1	Triển khai có hiệu quả các chương trình/kế hoạch về công tác đối ngoại, hợp tác quốc tế trên địa bàn	100%	100%
1.2	Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo, cung cấp số liệu phục vụ theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết số 59-NQ/TW	100%	100%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
1.3	Thực hiện các nhiệm vụ đối ngoại, hội nhập quốc tế do UBND tỉnh, các sở, ngành giao (khi phát sinh)	100%	100%
1.4	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
2	**Quốc phòng - An ninh**		
2.1	Bảo đảm an ninh, an toàn biên giới	100%	100%
2.2	Kiềm chế, làm giảm tai nạn giao thông so với cùng kỳ năm 2025	5%	Tăng 20%
2.3	Chỉ đạo, phối hợp thực hiện chiến dịch "Chiến dịch đào tạo kỹ năng lái xe mô tô, xe gắn máy an toàn" cho công dân trên địa bàn (theo Công văn số 7279/UBND-NC, ngày 24/7/2026 của UBND tỉnh về việc tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm trật tự an toàn giao thông).	03 lớp	7 lớp
2.4	Kéo giảm tội phạm về trật tự xã hội so với Quý IV/2025	10%	50%
2.5	Xây dựng xã, phường không ma túy	100%	100%
2.6	Không để xảy ra vụ cháy cấp III trở lên (thuộc một trong các trường hợp sau: Làm chết từ 1-2 người; gây thương tích hoặc gây tổn hại sức khỏe cho 01 người với tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 61% trở lên hoặc của 02 người trở lên mà tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể của những người này từ 61%-200%; gây thiệt hại tài sản từ 03 tỷ đồng đến dưới 10 tỷ đồng hoặc diện tích rừng, đồng ruộng bị cháy từ 05ha đến dưới 10ha); tai nạn lao động chết người; sự cố nghiêm trọng; vi phạm môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm gây hậu quả nghiêm trọng trở lên theo quy định của pháp luật (trừ trường hợp bất khả kháng)	100%	100%
2.7	Chỉ đạo nắm, giải quyết mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân	100%	100%
2.8	Tuyên truyền, vận động thu hồi vũ khí, vật liệu nổ, công cụ hỗ trợ và pháo	100%	100%

STT	TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ	ĐIỂM TỐI ĐA	ĐIỂM TỰ ĐÁNH GIÁ
2.9	Bảo vệ tuyệt đối an toàn các hoạt động của lãnh đạo Đảng, Nhà nước, các mục tiêu, công trình, dự án trọng điểm và các sự kiện chính trị, đối ngoại, văn hóa, xã hội quan trọng	100%	100%
2.10	Tổ chức diễn tập tác chiến xã, phường trong khu vực phòng thủ năm 2026	100%	100%
2.11	Công tác đảm bảo an ninh xã hội	100%	100%
2.12	Bảo đảm an ninh tôn giáo	100%	100%
2.13	Thực hiện nghiêm quy định về công tác bảo vệ bí mật nhà nước	100%	100%
2.14	Bảo đảm an ninh chính trị nội bộ	100%	100%
2.15	Bảo đảm an ninh kinh tế, an ninh công nhân	100%	100%
2.16	Bảo đảm an ninh mạng	100%	100%
2.17	Bảo đảm an ninh xuất, nhập cảnh và an ninh, an toàn hàng không	100%	100%
2.18	Công tác xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc	100%	100%
2.19	Các nhiệm vụ khác thuộc Lĩnh vực	100%	100%
	TỔNG ĐIỂM (100)		

ỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Tự do - Hạnh phúc

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

TỶ LỆ % HOÀN THÀNH TỰ ĐÁNH GIÁ	TỶ LỆ % HOÀN THÀNH ĐƯỢC THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100.00%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100%			
100.00%			
100%			
100.00%			
80%			
80%			
100.00%			
100.00%			
100%			
100.00%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			
100%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100.00%			
100.00%			
48.00%			
10.00%			
100.00%			
100%			
100.00%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100%			
100%			
100%			
100%			
100.00%			
100.00%			
100%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100.00%			
100.00%			
100.00%			
100%			
100%			
100%			
100.00%			
100%			
100.00%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100.00%			
100.00%			
100%			
100%			
100.00%			
100.00%			
100%			
100%			
100.00%			
100.00%			
100.00%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100%			
100%			
100%			
0%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			

	ĐIỂM THẨM ĐỊNH	CƠ QUAN THẨM ĐỊNH	NÊU RÕ LÝ DO KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
100%			
92.40%			